

Bản án số: 25/2022/HNGĐ-ST
Ngày 26 tháng 5 năm 2022
Về việc: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Kiên – Ông Đồng Mạnh Linh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng – Thư ký, Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái không tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý 44/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2022; về việc: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2022 và Thông báo mở lại phiên tòa số 12/2022/TB-XX ngày 11 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1974; vắng mặt.

Bị đơn: Ông Đỗ Ngọc G, sinh năm 1967; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã V, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; bản tự khai; các tài liệu có trong hồ sơ nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Đỗ Ngọc G đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Yên Bái vào ngày 09 tháng 12 năm 1991 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2004 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không còn tin tưởng nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm, xảy ra cãi vã. Mâu thuẫn vợ chồng đã tự hòa giải nhưng không khắc phục được. Bà xác định tình cảm vợ chồng đã hết, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông G.

Về con chung: Bà và ông G có 02 con chung là anh Đỗ Duy T, sinh ngày 21 tháng 5 năm 1992 và chị Đỗ Thu P, sinh ngày 05 tháng 10 năm 1994. Các con đã thành niên, phát triển bình thường nên bà không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về chia tài sản: Bà không yêu cầu Toà án giải quyết.

Theo bản tự khai, các tài liệu có trong hồ sơ bị đơn ông Đỗ Ngọc G trình bày:

Về hôn nhân: Ông thống nhất với bà L về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn như bà L trình bày là đúng. Tuy nhiên, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2021 đến nay nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm. Ông xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, ông đề nghị Toà án giải quyết cho ông và bà L được đoàn tụ.

Về con chung: Ông thống nhất với bà L vợ chồng có 02 con chung như bà L trình bày các con đã thành niên, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn ông Đỗ Ngọc G có hộ khẩu thường trú tại Thôn B, xã V, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc ly hôn nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Đỗ Ngọc G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L kết hôn với ông Đỗ Ngọc G trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Bà L và ông G đều xác định nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm. Tuy nhiên, ông G cho rằng mâu thuẫn vợ chồng mới phát sinh từ năm 2021 đến nay, ông vẫn còn tình cảm với bà L nên ông không đồng ý ly hôn. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành bà L kiên quyết xin ly hôn, ông G xin đoàn tụ nhưng không có biện pháp gì để cải thiện tình cảm vợ chồng. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng bà L ông G đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà L là có cơ sở cần được chấp nhận.

[3] Về con chung và chia tài sản: Bà L và ông G có 02 con chung đã thành niên, không yêu cầu chia tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí và quyền kháng cáo: Bà L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Bà L, ông G có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L được ly hôn ông Đỗ Ngọc G.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: AA/2021/0000181, ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Yên Bái.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị L và ông Đỗ Ngọc G được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND TP. Yên Bái;
- Chi cục THADS TP. Yên Bái;
- Các đương sự;
- UBND xã M,
huyện T, tỉnh Yên Bái
- Lưu: Hồ sơ; TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Kim Tuyền